

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 132/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Hồ N**, sinh năm 1988.

Căn cước số: 066088017349 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/02/2023.

Nơi thường trú: Thôn 1 xã E, tỉnh Đắk Lắk. Tạm trú: Số 109 đường N, phường A, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Đặng Thị Phương T**, sinh năm 1988.

Căn cước công dân số: 046188006504 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2022.

Nơi thường trú: Tổ dân phố 1 Kế Môn, phường P, thành phố Huế.

Tạm trú: Số 109 đường N, phường A, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T xây dựng gia đình với nhau năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, nói năng không tôn trọng nhau, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên hoà giải

nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, không ai có trách nhiệm với nhau. Nay ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T xác định có 01 con chung là Hồ Chí T, sinh ngày: 01/11/2017. Thuận tình ly hôn ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Đặng Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, Ông Hồ N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 3/2026 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0000285 ngày 12/01/2026.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T (Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 27/4/2017, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung Hồ Chí T, sinh ngày: 01/11/2017 cho bà Đặng Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Hồ N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 3/2026 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Hồ N và bà Đặng Thị Phương T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0000285 ngày 12/01/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã Eakly, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết